

Số: XX/PHVL

Vĩnh Long, ngày 18 tháng 07 năm 2025

về việc thông báo Thời khóa biểu chính thức
Học kỳ cuối năm 2025 các Khóa 49, 50
ĐHCQ tại UEH Mekong

Kính gửi: **Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và tiến độ triển khai các chương trình đào tạo của Hệ ĐHCQ, Phân hiệu Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (UEH Mekong) trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu chính thức Học kỳ cuối năm 2025** của các khóa sau:

- + Khóa 49 - Hệ ĐHCQ (**Chương trình chuẩn**) - UEH Mekong,
- + Khóa 50 - Hệ ĐHCQ (**Chương trình Tiếng Việt**) - UEH Mekong,

UEH Mekong kính đề nghị Quý Thầy/Cô quản lý môn học và Trưởng đơn vị tiếp tục triển khai và hoàn tất đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần; UEH Mekong kính đề nghị các đơn vị đào tạo thông báo cho Quý Thầy/Cô và sinh viên biết, đồng thời thường xuyên truy cập dashboard cá nhân/portal UEH để cập nhật thông tin lịch giảng, lịch học đầy đủ và chính xác nhất.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Phòng Đào tạo - UEH Mekong.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- B.CKHĐT; B.QTHT;
- B.CSNH, B.BĐCL&KSNB, B.ĐT;
- TTKT;
- Các Khoa, Trung tâm PHVL;
- Website PHVL, ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.



TS. Nguyễn Thị Thý Liễu

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A, B...	Phân hiệu UEH Vĩnh Long	1B Nguyễn Trung Trực, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	

KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY
(Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

KHÓA HỌC	THỜI GIAN			GHI CHÚ
	Giảng viên đăng ký	Quản lý môn học duyệt	Trưởng đơn vị đào tạo phê duyet	
+ Khóa 49, 50 ĐHCQ (PHVL)	09/06/25 - 08/07/25	09/07/25 – 22/07/25	23/07/25 – 28/07/25	Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 20/07/25

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ CHÍNH QUY PHVL
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025
(Sắp xếp theo Các đơn vị đào tạo)**

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 48 HỆ ĐHCQ KSV (HỌC KỲ 7) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

Khóa 48 ĐHCQ UEH Mekong thực hiện Thực tập và tốt nghiệp theo Kế hoạch số: 114/KH-PHVL, ngày 19 tháng 5 năm 2025 (Trừ song ngành tích hợp) và Thông báo số 136/TB-PHVL về Điều chỉnh, bổ sung đối tượng và điều kiện áp dụng của KH số 114/KH-PHVL ngày 19/5/2025.

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD D1, B2...	Phân hiệu UEH Vĩnh Long	1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (Phân hiệu UEH Vĩnh Long)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	QUẢN TRỊ	AD001	1
2	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB001	1
3	MARKETING	MR001	1
4	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM001	1
5	NGÂN HÀNG	NH001	1
6	TÀI CHÍNH	FN001	1
7	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN001	1
8	LUẬT KINH DOANH	LK001	1
9	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR001	1
10	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE001	1
11	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV001	1
12	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ	ARIB001	1
13	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	ARLM001	1

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 49 HỆ ĐHCQ KSV HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025) (**CHÍNH THỨC**)

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD D1, B2...	Phân hiệu UEH Vĩnh Long	1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 49 ĐHCQ (Phân hiệu UEH Vĩnh Long)

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV	SL LỚP
1	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	TI0001	1
2	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KN0001	1
3	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	AR0001	1
4	KINH DOANH QUỐC TẾ	IB0001	1
5	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	LM0001	1
6	LUẬT KINH TẾ	EL0001	1
7	MARKETING	MR0001	1
8	NGÂN HÀNG	NH0001	1
9	QUẢN TRỊ	AD0001	1
10	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KS0001	1
11	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	RA0001	1
12	TÀI CHÍNH	FN0001	1
13	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	AV0001	1
14	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	EE0001	1
15	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ	ARIB01	1
16	SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	ARLM01	1

CÁC NGÀNH LUÂN CHUẨN CAMPUS SỚM:

1. ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (RA0001)
2. CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (TI001)
3. QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN (KS001)
4. KINH DOANH NÔNG NGHIỆP (AR001)
5. SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ (ARIB01)
6. SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG (ARLM01)

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ KSV HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025) **(CHÍNH THỨC)**

	THỜI GIAN	
Học lý thuyết	04/08/2025 – 07/12/2025	CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024)
Các ngày nghỉ	01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025	
Thi kết thúc học phần	08/12/2025 – 21/12/2025	
Dự trữ KHĐT	22/12/2025 – 04/01/2026	

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GD D1, B2...	Phân hiệu UEH Vĩnh Long	1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	

KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ KSV**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
1	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	DHKSV50EE001		
2	CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	DHKSV50TI001		
3	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	DHKSV50RA001		

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ KSV**TRƯỜNG KINH DOANH**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
4	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	DHKSV50KN001		
5	KINH DOANH QUỐC TẾ	DHKSV50IB001		
6	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	DHKSV50LM001		
7	MARKETING	DHKSV50MR001		
8	QUẢN TRỊ KINH DOANH	DHKSV50BA001		
9	TÀI CHÍNH	DHKSV50FN001		
10	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	DHKSV50KS001		
11	NGÂN HÀNG	DHKSV50NH001		

BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ KSV**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA NGOẠI NGỮ; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	PHIÊN HIỆU LỚP SV		
		CT_TV	CT_TA BP	CT_TA TP
12	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	DHKSV50AR001		
13	LUẬT KINH TẾ	DHKSV50EL001		
14	THUẾ	DHKSV50TA001		
15	TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI	DHKSV50AV001		

LỊCH ĐƯA ĐÓN GIẢNG VIÊN HÀNG TUẦN:

- Chiều Chủ nhật: Xe đón và đưa GV từ TP.HCM xuống PHVL để giảng dạy.
- Chiều Thứ ba: Xe đưa GV từ PHVL về lại TP.HCM.
- Chiều Thứ tư: Xe đón và đưa GV từ TP.HCM xuống PHVL để giảng dạy.
- Chiều Thứ sáu: Xe đưa GV từ PHVL về lại TP.HCM.
- Văn phòng UEH và Văn phòng Phân hiệu UEH Vĩnh Long sẽ liên hệ GV trước ít nhất 3 ngày.

THÔNG TIN LIÊN HỆ CẦN THIẾT TẠI PHÂN HIỆU UEH VĨNH LONG :

+ Liên hệ về lịch giảng và các vấn đề về đào tạo: Phòng ĐT (Cô Phương: 0939229230/Thầy Luông: 0931831668)

Lưu ý: Nếu có điều chỉnh thông tin về lịch giảng, GV tham gia giảng dạy so với kế hoạch ban đầu, đề nghị GV liên hệ trước 03 ngày làm việc: Phòng ĐT (Cô Phương: 0939229230/Thầy Luông: 0931831668)

+ Liên hệ về nhận và phát tài liệu, học liệu: Phòng ĐT (Thầy Đồng: 0986858313)

+ Liên hệ về bố trí xe, ăn nghỉ: Văn phòng PHVL (Cô Minh: 0937962186)

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
(Khoa Ngoại ngữ)

HỌC PHẦN	VN/E N	TC	MÃ LHP	SL DK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Biên dịch thương mại		3	25C9ENG51305001	30	AV- DHKSVK49	(K49KSV)_ AV0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.3	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.3	19/09/25 - 10/10/25	
Hình thái - Cú pháp học		3	25C9ENG51314601	30	AV- DHKSVK49	(K49KSV)_ AV0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.3	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.3	08/08/25 - 29/08/25	
Kỹ năng nghe - nói nâng cao 1		3	25C9ENG51314001	30	AV- DHKSVK50	(K50KSV)_ AV0001	5	5	12g45 - 17g05	D1.3	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D1.3	19/09/25 - 10/10/25	
Kỹ năng viết nâng cao 1		3	25C9ENG51314201	30	AV- DHKSVK50	(K50KSV)_ AV0001	4	5	12g45 - 17g05	D2.1	20/08/25 - 29/10/25	
Kỹ năng viết nâng cao 2		3	25C9ENG51314901	30	AV- DHKSVK49	(K49KSV)_ AV0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.3	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.3	28/10/25 - 18/11/25	
Kỹ năng đọc nâng cao 1		3	25C9ENG51314101	30	AV- DHKSVK50	(K50KSV)_ AV0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.1	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.1	19/09/25 - 10/10/25	
Ngữ nghĩa học		3	25C9ENG51314501	30	AV- DHKSVK49	(K49KSV)_ AV0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.6	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.6	08/08/25 - 29/08/25	
Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ		3	25C9ENG51315101	30	AV- DHKSVK49	(K49KSV)_ AV0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.4	27/10/25 - 25/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.4	28/10/25 - 18/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)		3	25C9ENG51319901	15	RA- DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	2	5	07g00 - 11g20	D1.7	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D1.7	16/09/25 - 07/10/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C9ENG51320001	65	EE- DHKSVK50	(K50KSV)_ EE0001	5	5	07g00 - 11g20	B2.2	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	B2.2	31/10/25 - 28/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)		3	25C9ENG51320002	20	TI- DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.6	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.6	31/10/25 - 28/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)		3	25C9ENG51319801	70	AD- DHKSVK50	(K50KSV)_ AD0001,(K 50KSV)_F N0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.2	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.2	28/10/25 - 18/11/25	
Tiếng Anh lĩnh		3	25C9ENG51319803	55	IB-	(K50KSV)	5	5	12g45 - 17g05	D3.1	30/10/25 - 27/11/25	

vực Kinh doanh (HP2)					DHKSVK50	IB0001	6	5	12g45 - 17g05	D3.1	31/10/25 - 28/11/25	
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)	3	25C9ENG51319804	55	KN-DHKSVK50	(K50KSV)_KN0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.2	04/08/25 - 08/09/25		
						3	5	07g00 - 11g20	D3.2	05/08/25 - 26/08/25		
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)	3	25C9ENG51319805	65	KS-DHKSVK50	(K50KSV)_NH0001,(K50KSV)_KS0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.2	27/10/25 - 24/11/25		
						3	5	07g00 - 11g20	D2.2	28/10/25 - 18/11/25		
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)	3	25C9ENG51319806	50	LM-DHKSVK50	(K50KSV)_LM0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.1	15/09/25 - 13/10/25		
						3	5	07g00 - 11g20	D2.1	16/09/25 - 07/10/25		
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)	3	25C9ENG51319807	70	MR-DHKSVK50	(K50KSV)_MR0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.5	30/10/25 - 27/11/25		
						6	5	07g00 - 11g20	D2.5	31/10/25 - 28/11/25		
Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)	3	25C9ENG51319601	30	TA-DHKSVK50	(K50KSV)_TA0001.(K50KSV)_AR0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.4	18/09/25 - 16/10/25		
						6	5	12g45 - 17g05	D2.4	19/09/25 - 10/10/25		
Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)	3	25C9ENG51320201	30	EL-DHKSVK50	(K50KSV)_EL0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.7	30/10/25 - 27/11/25		
						6	5	12g45 - 17g05	D2.7	31/10/25 - 28/11/25		
Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh	3	25C9ENG51304301	30	AV-DHKSVK50	(K50KSV)_AV0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.1	30/10/25 - 27/11/25		
						6	5	12g45 - 17g05	D2.1	31/10/25 - 28/11/25		
Tiếng Việt thực hành	2	25C9ENG51303701	30	AV-DHKSVK50	(K50KSV)_AV0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.3	15/09/25 - 29/09/25		
						3	5	12g45 - 17g05	D2.3	16/09/25 - 30/09/25		

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
(Khoa Kinh tế)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học tài chính		3	25C9ECO50113901	20	AR-DHKSVK50	(K50KSV)_AR0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.5	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.5	31/10/25 - 28/11/25	
Kinh tế lượng ứng dụng		3	25C9ECO50106701	20	AR-DHKSVK50	(K50KSV)_AR0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.1	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.1	31/10/25 - 28/11/25	
Kinh tế quốc tế		3	25C9ECO50100801	20	AR-DHKSVK50	(K50KSV)_AR0001	5	5	07g00 - 11g20	D1.2	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D1.2	08/08/25 - 29/08/25	
Kinh tế vi mô ứng dụng		3	25C9ECO50113801	20	AR-DHKSVK50	(K50KSV)_AR0001	2	5	07g00 - 11g20	D1.2	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D1.2	05/08/25 - 26/08/25	

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
(Khoa Tài chính công)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	25C9TAX50401601	45	NH-DHKSVK50	(K50KSV)_NH0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.4	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.4	31/10/25 - 28/11/25	
Nguyên lý tài chính - ngân hàng		3	25C9PUF50402901	35	NH-DHKSVK49	(K49KSV)_HPTC.II.NH0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.6	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.6	08/08/25 - 29/08/25	

TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
(Khoa Luật)

HỌC PHẦN	VN/E N	TC	MÃ LHP	SL DK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Công pháp quốc tế		2	25C9LAW51106001	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	2 3	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D2.3 D2.3	27/10/25 - 10/11/25 28/10/25 - 11/11/25	
Luật dân sự 2		3	25C9LAW51100601	30	EL- DHKSVK50	(K50KSV)_ EL0001	5 6	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D2.7 D2.7	18/09/25 - 16/10/25 19/09/25 - 10/10/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C9LAW51103701	30	EL- DHKSVK50	(K50KSV)_ EL0001	2 3	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D2.6 D2.6	04/08/25 - 08/09/25 05/08/25 - 26/08/25	
Luật doanh nghiệp		3	25C9LAW51103702	20	TA- DHKSVK50	(K50KSV)_ TA0001	2 3	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D2.4 D2.4	18/09/25 - 16/10/25 19/09/25 - 10/10/25	
Luật học so sánh		2	25C9LAW51106401	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	5 6	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D2.4 D2.4	18/09/25 - 02/10/25 19/09/25 - 03/10/25	
Luật hình sự		3	25C9LAW51107401	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	2 3	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D3.7 D3.7	27/10/25 - 24/11/25 28/10/25 - 18/11/25	
Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính		3	25C9LAW51105801	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	5 6	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D3.7 D3.7	18/09/25 - 16/10/25 19/09/25 - 10/10/25	
Luật lao động		3	25C9LAW51111401	30	EL- DHKSVK50	(K50KSV)_ EL0001	5 6	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D2.7 D2.7	18/09/25 - 16/10/25 19/09/25 - 10/10/25	
Luật môi trường		2	25C9LAW51103201	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ HPTC.IV.E L0001	2 3	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D3.7 D3.7	04/08/25 - 18/08/25 05/08/25 - 19/08/25	
Luật sở hữu trí tuệ		2	25C9LAW51101401	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	2 3	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D3.7 D3.7	27/10/25 - 10/11/25 28/10/25 - 11/11/25	
Luật đất đai		2	25C9LAW51101501	30	EL- DHKSVK50	(K50KSV)_ EL0001	2 3	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D2.6 D2.6	18/09/25 - 02/10/25 19/09/25 - 03/10/25	
Pháp luật và nền kinh tế số		2	25C9LAW5110701	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ HPTC.IV.E L0001	2 3	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D3.7 D3.7	15/09/25 - 29/09/25 16/09/25 - 30/09/25	
Tư duy pháp lý		3	25C9LAW51109701	30	EL- DHKSVK50	(K50KSV)_ EL0001	2 3	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D3.7 D3.7	18/09/25 - 13/10/25 19/09/25 - 07/10/25	
Tư pháp quốc tế		3	25C9LAW51101701	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	5 6	5 5	07g00 - 11g20 07g00 - 11g20	D3.7 D3.7	30/10/25 - 27/11/25 31/10/25 - 28/11/25	
Luật kinh doanh		3	25C9LAW51100101	30	TA- DHKSVK50	(K50KSV)_ TA0001	5 6	5 5	12g45 - 17g05 12g45 - 17g05	D1.2 D1.2	30/10/25 - 27/11/25 31/10/25 - 28/11/25	Bổ sung

TRƯỜNG KINH DOANH
(Khoa Quản trị)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chiến lược marketing cho nhà quản trị		3	25C9MAN50212501	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.6	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.6	16/09/25 - 07/10/25	
Hành vi tổ chức		3	25C9MAN50200601	35	AD-DHKSVK50	(K50KSV)_AD0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.4	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.4	31/10/25 - 28/11/25	
Lập kế hoạch kinh doanh		3	25C9MAN50201701	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.6	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.6	28/10/25 - 18/11/25	
Lãnh đạo		3	25C9MAN50201801	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.6	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.6	08/08/25 - 29/08/25	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	25C9MAN50201201	35	AD-DHKSVK50	(K50KSV)_AD0001	2	5	12g45 - 17g05	D1.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D1.2	16/09/25 - 07/10/25	
Phát triển kỹ năng quản trị	3	25C9MAN50201901	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	(K49KSV)_AD0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.6	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.6	05/08/25 - 26/08/25	
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	25C9MAN50212301	35	AD-DHKSVK50	(K50KSV)_AD0001	(K50KSV)_AD0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.3	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.3	31/10/25 - 28/11/25	
Quản trị chiến lược		3	25C9MAN50201101	35	AD-DHKSVK50	(K50KSV)_AD0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.1	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.1	05/08/25 - 26/08/25	
Quản trị học		3	25C9MAN50200101	50	EL-DHKSVK50	(K50KSV)_HPTC.I.EL0001, (K50KSV)_AR0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.6	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.6	08/08/25 - 29/08/25	
Quản trị học		3	25C9MAN50200102	65	EE-DHKSVK50	(K50KSV)_EE0001	5	5	07g00 - 11g20	B2.2	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	B2.2	08/08/25 - 29/08/25	
Quản trị học		3	25C9MAN50200104	55	IB-DHKSVK50	(K50KSV)_IB0001	2	5	12g45 - 17g05	B2.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	B2.2	16/09/25 - 07/10/25	
Quản trị học		3	25C9MAN50200105	50	LM-DHKSVK50	(K50KSV)_LM0001	5	5	07g00 - 11g20	D1.3	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D1.3	19/09/25 - 10/10/25	
Quản trị học		3	25C9MAN50200106	70	MR-DHKSVK50	(K50KSV)_MR0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.5	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.5	08/08/25 - 29/08/25	

Quản trị sự thay đổi		2	25C9MAN50213301	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.6	15/09/25 - 29/09/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.6	16/09/25 - 30/09/25	
Thẩm định dự án		3	25C9MAN50201001	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.6	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.6	19/09/25 - 10/10/25	
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3	25C9MAN50212401	30	AD-DHKSVK49	(K49KSV)_AD0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.6	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.6	31/10/25 - 28/11/25	

TRƯỜNG KINH DOANH
(Khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLDK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử		3	25C9BUS50312402	50	LM-DHKSVK49	(K49KSV)_LM0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.5	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.5	05/08/25 - 26/08/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C9BUS50305201	55	IB-DHKSVK50	(K50KSV)_IB0001	2	5	07g00 - 11g20	B2.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	B2.2	16/09/25 - 07/10/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C9BUS50305202	50	LM-DHKSVK50	(K50KSV)_LM0001	2	5	12g45 - 17g05	D1.4	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D1.4	16/09/25 - 07/10/25	
Kinh doanh quốc tế		3	25C9BUS50305203	70	MR-DHKSVK50	(K50KSV)_MR0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.5	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.5	16/09/25 - 07/10/25	
Logistics quốc tế		3	25C9BUS50310701	50	IB-DHKSVK49	(K49KSV)_IB0001	3	5	12g45 - 17g05	D3.4	16/09/25 - 14/10/25	
							4	5	12g45 - 17g05	D3.4	17/09/25 - 08/10/25	
Marketing quốc tế		3	25C9MAR50301901	65	MR-DHKSVK49	(K49KSV)_MR0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.2	03/11/25 – 01/12/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.2	04/11/25 - 25/11/25	
Marketing quốc tế		3	25C9MAR50301902	50	IB-DHKSVK49	(K49KSV)_HPTC.I.IB0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.4	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.4	19/09/25 - 10/10/25	
Mô phỏng kinh doanh		3	25C9BUS50313002	50	LM-DHKSVK49	(K49KSV)_LM0001	5	5	07g00 - 11g20	D1.7	30/10/25 – 04/12/25	
							5	5	12g45 - 17g05	D1.7	30/10/25 – 27/11/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C9MAR50301701	50	LM-DHKSVK49	(K49KSV)_HPTC.II.LM0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.5	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.5	19/09/25 - 10/10/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C9MAR50301702	50	IB-DHKSVK49	(K49KSV)_HPTC.III.IB0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.4	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.4	28/10/25 - 18/11/25	
Nghiên cứu marketing		3	25C9MAR50301703	70	MR-DHKSVK50	(K50KSV)_MR0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.3	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.3	28/10/25 - 18/11/25	

Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326402	65	AD-DHKS VK50	(K50KSV)_AD0001,(K50KSV)_AV0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.2	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.2	08/08/25 - 22/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326404	65	EE-DHKS VK50	(K50KSV)_EE0001	2	5	07g00 - 11g20	B2.2	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	07g00 - 11g20	B2.2	05/08/25 - 19/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326405	50	FN-DHKS VK50	(K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.5	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.5	05/08/25 - 19/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326406	55	IB-DHKS VK50	(K50KSV)_IB0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.4	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.4	08/08/25 - 22/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326407	55	KN-DHKS VK50	(K50KSV)_KN0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.2	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.2	05/08/25 - 19/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326408	64	NH-DHKS VK50	(K50KSV)_NH0001,(K50KSV)_KS0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.1	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.1	05/08/25 - 19/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326409	50	LM-DHKS VK50	(K50KSV)_LM0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.4	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.4	08/08/25 - 22/08/25	
Nhập môn tâm lý học		2	25C9BUS50326410	70	MR-DHKS VK50	(K50KSV)_MR0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.5	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.5	05/08/25 - 19/08/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C9BUS50318001	55	IB-DHKS VK50	(K50KSV)_IB0001	5	5	07g00 - 11g20	B2.2	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	B2.2	19/09/25 - 10/10/25	
Phân tích kinh doanh		3	25C9BUS50318002	70	MR-DHKS VK50	(K50KSV)_MR0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.5	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.5	19/09/25 - 10/10/25	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	25C9BUS50317802	50	LM-DHKS VK49	(K49KSV)_LM0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.5	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.5	28/10/25 - 18/11/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C9BUS50317901	65	MR-DHKS VK49	(K49KSV)_MR0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.3	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.3	28/10/25 - 25/11/25	
Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	25C9BUS50317902	50	LM-DHKS VK50	(K50KSV)_LM0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.5	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.5	28/10/25 - 18/11/25	
Quản trị marketing		3	25C9MAR50301801	65	MR-DHKS VK49	(K49KSV)_MR0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.2	16/09/25 - 07/10/25	
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3	25C9BUS50318202	50	IB-DHKS VK49	(K49KSV)_IB0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.2	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.2	05/08/25 - 26/08/25	
Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)		3	25C9COM50302401	65	MR-DHKS VK49	(K49KSV)_HPTC.I.MR0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.2	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.2	19/09/25 - 10/10/25	

Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C9BUS50301201	50	LM-DHKS VK49	(K49KSV)_LM0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.5	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.5	28/10/25 - 18/11/25	
Quản trị xuất nhập khẩu		3	25C9BUS50301202	50	IB-DHKS VK49	(K49KSV)_IB0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.4	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.4	31/10/25 - 28/11/25	
Quảng cáo		3	25C9MAR50303701	65	MR-DHKS VK49	(K49KSV)_HPTC.II.MR0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.2	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.2	08/08/25 - 29/08/25	
Thương mại quốc tế		3	25C9COM50302202	50	IB-DHKS VK49	(K49KSV)_IB0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.3	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.3	16/09/25 - 07/10/25	
Truyền thông Marketing tích hợp		3	25C9MAR50319501	65	MR-DHKS VK49	(K49KSV)_MR0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.2	16/09/25 - 07/10/25	
Vận tải và bảo hiểm		3	25C9BUS50312302	50	LM-DHKS VK49	(K49KSV)_LM0001	3	5	07g00 - 11g20	D3.5	16/09/25 - 14/10/25	
							4	5	07g00 - 11g20	D3.5	17/09/25 - 08/10/25	
Kinh doanh quốc tế - EN	EN	3	25C9BUS50326101	25	AV-DHKS VK49	(K49KSV)_AV0001	6	5	07g00 - 11g20	D1.6	31/10/25 - 28/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D1.6	31/10/25 - 21/11/25	

TRƯỜNG KINH DOANH
(Khoa Tài chính)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLĐK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế lượng tài chính nâng cao		3	25C9FIN50501001	35	FN-DHKS VK49	(K49KSV)_FN0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.4	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.4	28/10/25 - 18/11/25	
Lý thuyết tài chính		3	25C9FIN50507201	35	FN-DHKS VK50	(K50KSV)_FN0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.6	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.6	19/09/25 - 10/10/25	
Phân tích tài chính		3	25C9FIN50509601	35	FN-DHKS VK49	(K49KSV)_FN0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.4	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.4	16/09/25 - 07/10/25	
Quản trị rủi ro tài chính		3	25C9FIN50501601	35	FN-DHKS VK49	(K49KSV)_FN0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.4	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.4	16/09/25 - 07/10/25	
Quản trị tài chính		3	25C9FIN50503901	55	IB-DHKS VK50	(K50KSV)_IB0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.1	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.1	28/10/25 - 18/11/25	
Sáp nhập, mua lại và tái cấu trúc doanh		3	25C9FIN50509001	35	FN-DHKS VK49	(K49KSV)_FN0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.4	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.4	19/09/25 - 10/10/25	

ngiệp												
Tài chính công ty đa quốc gia		3	25C9FIN50501401	35	FN-DHKSVK49	(K49KSV)_FN0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.4	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.4	08/08/25 - 29/08/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C9FIN50508401	50	FN-DHKSVK50	(K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.6	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.6	28/10/25 - 18/11/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C9FIN50508402	55	KN-DHKSVK50	(K50KSV)_KN0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.2	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.2	19/09/25 - 10/10/25	
Tài chính doanh nghiệp		3	25C9FIN50508403	45	NH-DHKSVK50	(K50KSV)_NH0001	2	5	12g45 - 17g05	D1.7	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D1.7	16/09/25 - 07/10/25	
Tài chính doanh nghiệp nâng cao		3	25C9FIN50500301	35	FN-DHKSVK49	(K49KSV)_FN0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.4	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.4	31/10/25 - 28/11/25	

TRƯỜNG KINH DOANH
(Khoa Ngân hàng)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLĐK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chính sách tiền tệ		3	25C9BAN50601601	35	NH-DHKSVK49	(K49KSV)_HPTC.I.NH0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.6	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.6	16/09/25 - 07/10/25	
Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng		3	25C9BAN50608901	35	NH-DHKSVK49	(K49KSV)_HPTC.II.NH0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.6	18/09/25 - 16/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.6	19/09/25 - 10/10/25	
Kê toán ngân hàng		3	25C9BAN50601201	35	NH-DHKSVK49	(K49KSV)_NH0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.6	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.6	16/09/25 - 07/10/25	
Kinh doanh ngoại hối		3	25C9BAN50603201	35	NH-DHKSVK49	(K49KSV)_NH0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.6	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.6	31/10/25 - 28/11/25	
Ngân hàng thương mại		3	25C9BAN50600601	45	NH-DHKSVK50	(K50KSV)_NH0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.3	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.3	08/08/25 - 29/08/25	
Quản trị ngân hàng		3	25C9BAN50601101	35	NH-DHKSVK49	(K49KSV)_NH0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.6	27/10/25 - 24/11/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.6	28/10/25 - 18/11/25	
Quản trị và chiến lược ngân		3	25C9BAN50608401	20	TA-DHKSVK50	(K50KSV)_TA0001	2	5	12g45 - 17g05	D1.3	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D1.3	16/09/25 - 07/10/25	

hàng												
Tài chính cá nhân		3	25C9BAN50611401	45	NH-DHKSVK50	(K50KSV)_NH0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.3	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.3	19/09/25 - 10/10/25	
Thị trường và các định chế tài chính		3	25C9BAN50608801	45	NH-DHKSVK50	(K50KSV)_NH0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.2	16/09/25 - 07/10/25	

TRƯỜNG KINH DOANH
(Khoa Kế toán)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLĐK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
An toàn thông tin kế toán		3	25C9ACC50707901	50	KN-DHKSVK49	(K49KSV)_KN0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.1	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.1	28/10/25 - 18/11/25	
Kế toán công		3	25C9ACC50706501	50	KN-DHKSVK49	(K49KSV)_KN0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.1	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.1	31/10/25 - 28/11/25	
Kế toán công		3	25C9ACC50706502	55	KN-DHKSVK50	(K50KSV)_KN0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.2	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.2	16/09/25 - 07/10/25	
Kế toán quản trị		3	25C9ACC50701101	35	AD-DHKSVK50	(K50KSV)_AD0001	5	5	12g45 - 17g05	D1.2	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D1.2	19/09/25 - 10/10/25	
Kế toán quản trị		3	25C9ACC50701102	35	FN-DHKSVK50	(K50KSV)_HPTC.I.FN0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.7	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.7	16/09/25 - 07/10/25	
Kế toán tập đoàn		3	25C9ACC50720301	50	KN-DHKSVK49	(K49KSV)_KN0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.1	30/10/25 - 27/11/25	Hủy
							6	5	07g00 - 11g20	D3.1	31/10/25 - 28/11/25	
Kế toán tài chính Việt Nam		3	25C9ACC50720101	50	KN-DHKSVK49	(K49KSV)_KN0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.1	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.1	08/08/25 - 29/08/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C9ACC50719501	50	FN-DHKSVK50	(K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.7	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.7	31/10/25 - 28/11/25	
Kế toán tài chính căn bản		3	25C9ACC50719502	55	KN-DHKSVK50	(K50KSV)_KN0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.1	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.1	08/08/25 - 29/08/25	
Kiểm toán báo cáo tài chính		3	25C9ACC50712701	50	KN-DHKSVK49	(K49KSV)_KN0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.1	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.1	19/09/25 - 10/10/25	
Nghiên cứu khoa học và kỹ năng viết học		3	25C9ACC50719701	55	KN-DHKSVK50	(K50KSV)_KN0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.2	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.2	19/09/25 - 10/10/25	

thuật												
Phân tích báo cáo tài chính	3	25C9ACC50702001	50	KN-DHKSVK49	(K49KSV)_KN0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.1	15/09/25 - 13/10/25		
						3	5	07g00 - 11g20	D3.1	16/09/25 - 07/10/25		
Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định	3	25C9ACC50719801	55	KN-DHKSVK50	(K50KSV)_KN0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.6	27/10/25 - 24/11/25		
						3	5	07g00 - 11g20	D3.6	28/10/25 - 18/11/25		

TRƯỜNG KINH DOANH

(Khoa Du lịch)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL ĐK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Khoa học quản trị		3	25C9TOU51500201	40	KS- DHKSVK50	(K50KSV)_ KS0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.1	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.1	28/10/25 - 18/11/25	
Quản trị du lịch		3	25C9TOU51500101	30	KS- DHKSVK50	(K50KSV)_ KS0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.7	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.7	19/09/25 - 10/10/25	
Quản trị đám đông		3	25C9TOU51500401	30	KS- DHKSVK50	(K50KSV)_ KS0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.5	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.5	08/08/25 - 29/08/25	
Tiếp thị trong du lịch		3	25C9TOU51506601	30	KS- DHKSVK50	(K50KSV)_ KS0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.4	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D3.4	16/09/25 - 07/10/25	

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ

(Khoa Công nghệ thông tin kinh doanh)

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SL DK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHỦ
An ninh thông tin		3	25C9INF50904001	20	TI- DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.7	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.7	28/10/25 - 18/11/25	
Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử		3	25C9INF50902901	50	EE- DHKSVK49	(K49KSV)_ EE0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.1	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.1	16/09/25 - 07/10/25	
Công nghệ thương mại điện tử		3	25C9INF50902601	50	EE- DHKSVK49	(K49KSV)_ EE0001	2	5	07g00 - 11g20	A2.6	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	07g00 - 11g20	A2.6	28/10/25 - 18/11/25	
Cơ sở lập trình		3	25C9INF50900501	65	EE-	(K50KSV)	2	5	12g45 - 17g05	A2.6	27/10/25 - 24/11/25	

					DHKS VK50	EE0001	3	5	12g45 - 17g05	A2.6	28/10/25 - 18/11/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C9INF50900801	65	EE-DHKS VK50	(K50KSV)_EE0001	5	5	12g45 - 17g05	A2.6	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	A2.6	19/09/25 - 10/10/25	
Hệ thống thông tin quản lý		3	25C9INF50900802	50	LM-DHKS VK50	(K50KSV)_LM0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.4	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.4	05/08/25 - 26/08/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C9INF50905901	50	EE-DHKS VK49	(K49KSV)_EE0001	2	5	07g00 - 11g20	A2.6	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	07g00 - 11g20	A2.6	05/08/25 - 19/08/25	
Khoa học dữ liệu		2	25C9INF50905902	35	FN-DHKS VK50	(K50KSV)_FN0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.1	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.1	08/08/25 - 22/08/25	
Marketing kỹ thuật số		3	25C9INF50903201	50	EE-DHKS VK49	(K49KSV)_EE0001	5	5	07g00 - 11g20	A2.6	30/10/25 - 27/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	A2.6	31/10/25 - 28/11/25	
Phát triển ứng dụng thương mại điện tử		3	25C9INF50902701	50	EE-DHKS VK49	(K49KSV)_EE0001	5	5	12g45 - 17g05	A2.6	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	A2.6	08/08/25 - 29/08/25	
Quản trị dự án thương mại điện tử		3	25C9INF50903101	50	EE-DHKS VK49	(K49KSV)_EE0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.1	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.1	19/09/25 - 10/10/25	
Toán dành cho tin học		3	25C9INF50901101	65	EE-DHKS VK50	(K50KSV)_EE0001	2	5	07g00 - 11g20	A2.6	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	07g00 - 11g20	A2.6	16/09/25 - 07/10/25	
Tin học trong kinh doanh (EN)	EN	2	25C9INF50907101	30	AV-DHKS VK50	(K50KSV)_AV0001	5	5	07g00 - 11g20	A3.2	30/10/25 - 13/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	A3.2	31/10/25 - 14/11/25	

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ
(Viện Đổi mới sáng tạo)

HỌC PHẦN	VN/E N	TC	MÃ LHP	SL DK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hệ thống kỹ thuật số căn bản		3	25C9TEC55002401	20	TI-DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.1	15/09/25 - 13/10/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.1	16/09/25 - 07/10/25	
Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu		3	25C9TEC55000301	20	TI-DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.5	18/09/25 - 16/10/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.5	19/09/25 - 10/10/25	
Khoa học dữ liệu nâng cao		3	25C9TEC55002301	20	TI-DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	5	5	07g00 - 11g20	A2.6	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	A2.6	08/08/25 - 29/08/25	
Lập trình ứng dụng		3	25C9TEC55002501	20	TI-DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	2	5	12g45 - 17g05	A2.6	04/08/25 - 08/09/25	
							3	5	12g45 - 17g05	A2.6	05/08/25 - 26/08/25	

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ
(Viện Công nghệ thông minh và tương tác)

HỌC PHẦN	VN/E N	TC	MÃ LHP	SL DK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Cơ cấu chấp hành và cảm biến		3	25C9INT54701501	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	2	5	07g00 - 11g20	D1.7	04/08/25 - 08/09/25	
							2	5	12g45 - 17g05	D1.7	04/08/25 - 25/08/25	
Cơ kỹ thuật 2		3	25C9INT54701101	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	5	5	12g45 - 17g05	D1.7	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D1.7	08/08/25 - 29/08/25	
Học máy		3	25C9INT54703401	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	2	5	12g45 - 17g05	D1.7	27/10/25 - 24/11/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D1.7	28/10/25 - 18/11/25	
Khoa học máy tính 2		3	25C9INT54702001	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	3	5	07g00 - 11g20	D1.7	05/08/25 - 09/09/25	
							4	5	07g00 - 11g20	D1.7	06/08/25 - 27/08/25	
Kinh tế kỹ thuật		3	25C9INT54700501	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	7	5	07g00 - 11g20	D1.7	09/08/25 - 06/09/25	
							7	5	12g45 - 17g05	D1.7	09/08/25 - 30/08/25	
Kỹ thuật robot 1		3	25C9INT54701801	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	7	5	12g45 - 17g05	D1.7	01/11/25 - 22/11/25	
							7	5	07g00 - 11g20	D1.7	01/11/25 - 29/11/25	
Lý thuyết điều khiển tự động		3	25C9INT54701201	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	5	5	07g00 - 11g20	D1.7	07/08/25 - 04/09/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D1.7	08/08/25 - 29/08/25	
Thiết kế máy		3	25C9INT54701701	15	RA-DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	6	5	12g45 - 17g05	D1.7	31/10/25 - 21/11/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D1.7	31/10/25 - 28/11/25	
Thị giác máy		3	25C9INT54702401	15	RA-	(K50KSV)	2	5	07g00 - 11g20	D1.7	27/10/25 - 24/11/25	

					DHKS VK50	RA0001	3	5	07g00 - 11g20	D1.7	28/10/25 - 18/11/25	
Vi điều khiển		3	25C9INT54701401	15	RA-DHKS VK50	(K50KSV)_RA0001	3	5	12g45 - 17g05	D1.7	05/08/25 - 09/09/25	
							4	5	12g45 - 17g05	D1.7	06/08/25 - 27/08/25	
Xác suất thống kê cho kỹ thuật		3	25C9INT54712201	15	RA-DHKS VK50	(K50KSV)_RA0001	5	5	07g00 - 11g20	D1.7	18/09/25 - 16/10/25	
							5	5	12g45 - 17g05	D1.7	18/09/25 - 09/10/25	

VIỆN KHOA HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

HỌC PHẦN	VN/EN	TC	MÃ LHP	SLĐK	NGÀNH/KHÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002501	50	AD-DHKS VK50	(K50KSV)_AD0001,(K50KSV)_AR0001	2	5	07g00 - 11g20	D1.2	15/09/25 - 29/09/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D1.2	16/09/25 - 30/09/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002503	50	FN-DHKS VK50	(K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.7	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.7	08/08/25 - 22/08/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002504	55	IB-DHKS VK50	(K50KSV)_IB0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.7	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D2.7	05/08/25 - 19/08/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002505	64	NH-DHKS VK50	(K50KSV)_NH0001,(K50KSV)_KS0001	5	5	12g45 - 17g05	D2.2	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D2.2	08/08/25 - 22/08/25	
Kinh tế chính trị Mác Lênin		2	25C9POL51002401	60	AV-DHKS VK50	(K50KSV)_AV0001,(K50KSV)_EL0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.2	27/10/25 - 10/11/25	Hủy
							3	5	12g45 - 17g05	D2.2	28/10/25 - 11/11/25	

Kính tế chính trị Mác LêNin		2	25C9POL51002402	65	EE- DHKSVK50	(K50KSV)_ EE0001	2	5	12g45 - 17g05	B2.2	27/10/25 - 10/11/25	Hủy
							3	5	12g45 - 17g05	B2.2	28/10/25 - 11/11/25	
Kính tế chính trị Mác LêNin		2	25C9POL51002404	55	KN- DHKSVK50	(K50KSV)_ KN0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.6	27/10/25 - 10/11/25	Hủy
							3	5	12g45 - 17g05	D3.6	28/10/25 - 11/11/25	
Kính tế chính trị Mác LêNin		2	25C9POL51002405	70	LM- DHKSVK50	(K50KSV)_ LM0001,(K 50KSV)_TI 0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.5	27/10/25 - 10/11/25	Hủy
							3	5	07g00 - 11g20	D2.5	28/10/25 - 11/11/25	
Kính tế chính trị Mác LêNin		2	25C9POL51002406	70	MR- DHKSVK50	(K50KSV)_ MR0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.5	27/10/25 - 10/11/25	Hủy
							3	5	12g45 - 17g05	D2.5	28/10/25 - 11/11/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C9HIS51002601	65	MR- DHKSVK49	(K49KSV)_ MR0001	2	5	12g45 - 17g05	D3.2	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	12g45 - 17g05	D3.2	05/08/25 - 19/08/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C9HIS51002603	50	LM- DHKSVK49	(K49KSV)_ LM0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.5	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	12g45 - 17g05	D3.5	08/08/25 - 22/08/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C9HIS51002604	70	IB- DHKSVK49	(K49KSV)_ IB0001,(K4 9KSV)_AD 0001	5	5	07g00 - 11g20	D3.2	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D3.2	08/08/25 - 22/08/25	
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2	25C9HIS51002605	65	NH- DHKSVK49	(K49KSV)_ NH0001,(K 49KSV)_F N0001	2	5	07g00 - 11g20	D2.5	04/08/25 - 18/08/25	
							3	5	07g00 - 11g20	D2.5	05/08/25 - 19/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C9HCM51000402	50	KN- DHKSVK49	(K49KSV)_ KN0001	2	5	07g00 - 11g20	D3.1	04/08/25 - 18/08/25	
							4	5	07g00 - 11g20	D3.1	06/08/25 - 20/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C9HCM51000403	50	EE- DHKSVK49	(K49KSV)_ EE0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.1	07/08/25 - 21/08/25	
							6	5	07g00 - 11g20	D2.1	08/08/25 - 22/08/25	
Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	25C9HCM51000404	55	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001, (K49KSV)_ AV0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.3	04/08/25 - 18/08/25	
							4	5	12g45 - 17g05	D2.3	06/08/25 - 20/08/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002502	60	AV- DHKSVK50	(K50KSV)_ AV0001,(K 50KSV)_E L0001	2	5	12g45 - 17g05	D2.2	27/10/25 - 10/11/25	Bổ sung
							3	5	12g45 - 17g05	D2.2	28/10/25 - 11/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002506	65	EE- DHKSVK50	(K50KSV)_ EE0001	5	5	07g00 - 11g20	D2.2	30/10/25 - 13/11/25	Bổ sung
							6	5	07g00 - 11g20	D2.2	31/10/25 - 14/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002507	55	KN- DHKSVK50	(K50KSV)_ KN0001	5	5	12g45 - 17g05	D3.6	30/10/25 - 13/11/25	Bổ sung
							6	5	12g45 - 17g05	D3.6	31/10/25 - 14/11/25	
Chủ nghĩa xã		2	25C9POL51002508	70	LM-	(K50KSV)_	2	5	07g00 - 11g20	D2.5	27/10/25 - 10/11/25	Bổ sung

hội khoa học					DHKSVK50	LM0001,(K 50KSV)_TI 0001	3	5	07g00 - 11g20	D2.5	28/10/25 - 11/11/25	
Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	25C9POL51002509	50	MR- DHKSVK50	(K50KSV)_ MR0001	3	5	07g00 - 11g20	D2.2	04/08/25 - 18/08/25	Bổ sung
							2	5	07g00 - 11g20	D2.2	05/08/25 - 19/08/25	

CÁC KHOA ĐÀO TẠO
(Các buổi sinh hoạt lớp)

HỌC PHẦN	VN/E N	TC	MÃ LHP	SL DK	NGÀNH/KH ÓA	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GD	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600401	35	AD- DHKSVK50	(K50KSV)_ AD0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600402	20	AR- DHKSVK50	(K50KSV)_ AR0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600403	30	AV- DHKSVK50	(K50KSV)_ AV0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600404	65	EE- DHKSVK50	(K50KSV)_ EE0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600405	30	EL- DHKSVK50	(K50KSV)_ EL0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600406	35	FN- DHKSVK50	(K50KSV)_ FN0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600407	55	IB- DHKSVK50	(K50KSV)_ IB0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600408	55	KN- DHKSVK50	(K50KSV)_ KN0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600409	30	KS- DHKSVK50	(K50KSV)_ KS0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600410	50	LM- DHKSVK50	(K50KSV)_ LM0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600411	70	MR- DHKSVK50	(K50KSV)_ MR0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600412	45	NH- DHKSVK50	(K50KSV)_ NH0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600413	15	RA- DHKSVK50	(K50KSV)_ RA0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600414	20	TA- DHKSVK50	(K50KSV)_ TA0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk3.1		0	25C9ADM53600415	20	TI- DHKSVK50	(K50KSV)_ TI0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600805	30	AD- DHKSVK49	(K49KSV)_ AD0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600806	30	AV- DHKSVK49	(K49KSV)_ AV0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	

Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600807	45	EE- DHKSVK49	(K49KSV)_ EE0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600808	30	EL- DHKSVK49	(K49KSV)_ EL0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600809	35	FN- DHKSVK49	(K49KSV)_ FN0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600810	50	KN- DHKSVK49	(K49KSV)_ KN0001	4	4	12g45 - 16g15	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600811	45	IB- DHKSVK49	(K49KSV)_ IB0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600812	45	LM- DHKSVK49	(K49KSV)_ LM0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600813	65	MR- DHKSVK49	(K49KSV)_ MR0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	
Sinh hoạt lớp hk5.1		0	25C9ADM53600814	35	NH- DHKSVK49	(K49KSV)_ NH0001	4	4	07g00 - 10g30	ONLIN E	26/11/25	